

Mã SV	Họ	Tên	Phá	Ng	Bản	Bản	Bản	Giá	Lý	Ghi
		i	ày	sao	sao	sao	y	c	lịch	chú
		Sin	Bản	GK	am	HS				
		h	học	g	T	Sin	kết	SV		
		bạ	NP	h	PV					
			TT	N						
			H							
K34.	Đỗ	Du	1	200	X					
608.	Phuong	ng	690							
008										
K35.	Võ Lê	An	1	200	X					
608.	Tú	h	291							
001										
K35.	Đàm	An	1	230	X					
608.	Ngọc	h	491							
002	Vân									
K35.	Vũ Thị	An	1	105	X				GB	
608.	Hoài	h	91						NH	
003									,C	
									KM	
									T	
K35.	Trần	An	1	207					CK	
608.	Thị Mai	h	90						MT	
004										
K35.	Ngô	Bảo	0	111	X					
608.	Thái		91							
005										
K35.	Nguyễn Chi		1	301	X				CK	
608.	Thị Kim		091						MT	
006										
K35.	Nguyễn Diễm		1	201	X					
608.	Ngọc	m	290							
008										
K35.	Võ Thị Diệ		1	311						
608.		u	90							
009										
K35.	Phan Đỗ	Du	1	908						
608.	Thùy	ng	90							
010										
K35.	Trần	Du	0	100						
608.	Văn	y	689							
011										
K35.	Lê Thị Đà		1	231	X				CK	
608.	Bích	o	091						MT	
012										
K35.	Nguyễn Đà		1	151						
608.	Thị An	h	288							
013										
K35.	Vũ	Đứ	0	310						
608.	Xuân	c	890							

014						
K35. Phạm	Hạ	1 120				
608. Trần	u	589				
015	Hoài					
K35. Vũ Thị	Hà	1 231	X			
608. Thu		091				
016						
K35. Phạm	Hà	1 190	X			
608. Thị Thu		590				
017						
K35. Trần	Hải	0 280				
608. Tấn		290				
018						
K35. Lê Thị	Hà	1 200	X		CK	
608.	o	691			MT	
019						
K35. Trần	Hiề	1 111				
608. Thái Vi n		087				
020						
K35. Mai Thị Hiề		1 903	X			
608. Phương n		91				
021						
K35. Bùi Mỹ Hiề		1 602	X			
608.	n	91				
022						
K35. Lê	Hiề	0 201	X		CK	
608. Quang n		191			MT	
023						
K35. Trần	Ho	1 200X	X	X	CK	
608. Thị Thu ài		391			MT	
024						
K35. Tạ Huy Ho		0 150	X		CK	
608.	àng	991			MT	
025						
K35. Nguyễn Hò		1 101			CK	
608. Thị Mỹ ng		089			MT	
026						
K35. Nguyễn Hò		0 907	X		CK	
608. Quốc a		91			MT	
027						
K35. Phan	Hu	1 270	X			
608. Thị yền		990				
029	Ngọc					
K35. Võ	Kh	0 170	X		CK	
608. Nguyễn ang		391			MT	
030						
K35. Nguyễn Kh		0 301	X			
608. Anh oa		91				
031						
K35. Nguyễn Kiề		1 180				

608. Thị Thu u	889	
032		
K35. Nguyễn Kiê	0 408	
608. Trung n	90	
033		
K35. Nguyễn Liễ	1 271	
608. Thị u	090	
035 Thúy		
K35. Nguyễn Lin	1 190	X
608. Thị h	491	
037 Thùy		
K35. Đỗ Thị Lin	1 160	
608. Thùy h	890	
038		
K35. Dương Lực	0 170	X
608. Văn	791	
040		
K35. Đinh Mai	1 200	X
608. Thị	690	
041 Tuyết		
K35. Nguyễn Mi	1 210	X
608. Thị nh	91	
042 Uyên		
K35. Nguyễn My	1 405	X
608. Thị Trà	91	
043		
K35. Trần Ng	1 180	X
608. Kim ân	291	
045		
K35. Bùi Thị Ng	1 280	
608. ân	790	
046		
K35. Tăng Ng	1 300	X
608. Xuân ọc	991	
047		
K35. Nguyễn Ng	1 251	X
608. Thị uyê	291	
048 Trần n		
K35. Huỳnh Nhi	1 170	X
608. Thị	191	
051 Dương		
K35. Nguyễn Nh	1 240	X
608. Ngọc ư	891	
052 Quỳnh		
K35. Nguyễn Phư	1 150	
608. Thị ơng	290	
054		
K35. Huỳnh Phư	1 150	

GB
NH
,C
KM
T

608. Thị ơng	289			
055 Thanh				
K35. Phùng Phur	1 130	X		
608. Thị Hoa ơng	491			
056				
K35. Nguyễn Qu	1 200	X		
608. Thị yên	691			
057 Bích				
K35. Hà Như Qu	1 120	X		
608. ỳnh	691			
058				
K35. Nguyễn Tâ	0 802			
608. Duy m	90			
060				
K35. Đoàn Tăn	0 506			
608. Văn g	89			
061				
K35. Nguyễn Tài	0 603	X		
608. Xuân	91			
062				
K35. Nguyễn Thá	0 221	X		
608. Minh i	191			
063				
K35. Nguyễn Thả	1 190	X		
608. Phương o	791			
064				
K35. Nguyễn Thế	1 140			
608. Thị	188			
066				
K35. Vũ Thú	1 160	X	CK	
608. Ngọc y	691		MT	
067				
K35. Đinh Thú	1 305X	X		
608. Thị y	91			
068				
K35. Trần Thú	1 105			
608. Thị y	89			
069 Phương				
K35. Phạm Thủ	1 241	X	CK	
608. Thị Thu y	091		MT	
070				
K35. Lê Thu Thủ	1 250		CK	
608. y	890		MT	
071				
K35. Nguyễn Tra	1 170	X		
608. Thị ng	591			
072 Huỳnh				
K35. Vòng Tra	1 180	X		
608. Hồ Yến ng	191			
073				

K35. Lê Thị Tra	1 140		
608. Thùy ng	690		
074			
K35. Nguyễn Trâ	1 906	X	
608. Ngọc m	91		
075			
K35. Nguyễn Trâ	1 170		
608. Bảo n	990		
076			
K35. Lê Thị Tri	1 506		
608. Thu nh	90		
077			
K35. Lê Tru	0 150		
608. Quang ng	989		
078			
K35. Nguyễn Tuấ	0 111	X	
608. Thành n	291		
079			
K35. Đặng Tuy	1 100	X	
608. Thị Ánh ết	891		
080			
K35. Lâm Tý	0 609		
608. Văn	89		
081			
K35. Vũ Tô Uy	1 711	X	
608. ên	91		
082			
K35. Phạm Viê	1 280	X	CK
608. Thị n	991		MT
083 Trúc			
K35. Nguyễn Vin	1 240	X	
608. Thị h	191		
084 Thùy			
K35. Phan Yế	1 261	X	CK
608. Nguyễn n	091		MT
085 Phi			
K35. Lê Thị Yế	1 101	X	CK
608. Ngọc n	91		MT
087			
K35. Triệu Yế	1 141	X	
608. Thị Kimn	190		
088			
K35. Nguyễn Yê	1 220	X	
608. Thị n	191		
089 Bình			